

Số: **09/2025/QĐST-KDTM**

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 60/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2024;

Xét thấy: Ngày 02/01/2014, nguyên đơn Công ty cổ phần C và Công ty cổ phần K ký kết Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp mặt hàng cát trắng rời và Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT.

Ngày 11/10/2023, nguyên đơn Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty cổ phần K thanh toán số tiền 347.656.124 đồng.

Ngày 04/8/2025, bị đơn Công ty cổ phần K có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 29/8/2025, nguyên đơn Công ty cổ phần C xác định ngày 08/6/2017 nguyên đơn đã gửi Công văn số 256/CCR-TCKT về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 537.802.124 đồng đối với 02 hợp đồng gồm: Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp mặt hàng cát trắng rời ngày 02/01/2014 và Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014. Nguyên đơn đã tiến hành gửi Công văn số 256/CCR-TCKT ngày 08/6/2017 cho bị đơn bằng đường bưu điện nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã phát thành công cho bị đơn. Sau ngày 08/6/2017, nguyên đơn không gửi thêm bất cứ công văn hay văn bản nào khác về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT và Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014. Ngoài ra, sau khi bị đơn xác nhận nợ với nguyên đơn tại Thư xác nhận công nợ ngày 09/01/2017 với số tiền 530.196.050 đồng, bị đơn không có bất kì phản hồi nào khác.

Từ ngày 11/7/2017 đến ngày 03/8/2021, bị đơn đã thanh toán công nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2014 cho nguyên đơn 04 lần với tổng số tiền là 190.146.000 đồng. Tính đến **ngày 03/8/2021**, bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ của Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2014. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán một lần số tiền 347.656.124 đồng trên cơ sở Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014 kèm bảng kê chi tiết tiền thưởng, phạt giải phóng tàu.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 08/9/2025, bị đơn Công ty cổ phần K xác định ngày 09/01/2017, bị đơn có xác nhận tính đến ngày 31/12/2016 còn nợ nguyên đơn Công ty cổ phần C số tiền 530.196.050 đồng theo Bản Xác

nhận số dư cho mục đích kiểm toán. Tuy nhiên, số tiền nợ 530.196.050 đồng này là theo hợp đồng nào thì bị đơn không rõ và cũng không được thể hiện trong Bản Xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán ngày 09/01/2017.

Sau thời điểm ngày 09/01/2017, bị đơn không nhận được bất kỳ văn bản đòi nợ hay xác nhận nợ nào của nguyên đơn, không nhận được và cũng không biết về Công văn số 256/CCR-TCKT ngày 08/6/2017 về việc yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2014 và Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014.

Sau khi có sự chuyển đổi về cơ cấu và nhân sự, bị đơn tự rà soát và thanh toán cho nguyên đơn theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT về việc cung ứng dịch vụ bốc xếp mặt hàng cát trắng rời ngày 02/01/2014 với số tiền cụ thể như sau: ngày 11/7/2017, thanh toán 50.000.000 đồng, ngày 29/12/2017, thanh toán 30.000.000 đồng, ngày 26/3/2020, thanh toán 57.000.000 đồng, ngày 03/8/2021, thanh toán 53.146.000 đồng. Tính đến **ngày 03/8/2021**, Công ty cổ phần K đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với Công ty cổ phần C theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT ngày 02/01/2014.

Như vậy, kể từ ngày nguyên đơn và bị đơn lập bản Xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán ngày 09/01/2017 và kể từ ngày **08/6/2017**, nguyên đơn gửi Công văn số 256/CCR-TCKT về việc yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT và Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT đã ký kết cùng ngày 02/01/2014, bị đơn đều không có văn bản phản hồi, không thực hiện phân nghĩa vụ của mình đối với khoản tiền thưởng, phạt tàu theo Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014. Nguyên đơn không chứng minh được đã gửi Công văn số 256/CCR-TCKT ngày 08/6/2017 cho bị đơn. Bản Xác nhận số dư cho mục đích kiểm toán ngày 09/01/2017 không thể hiện số tiền nợ tương ứng với hợp đồng cụ thể nào.

Đối với số tiền thưởng phạt tàu theo Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014, nguyên đơn và bị đơn đều xác định lần gần nhất bị đơn thanh toán tiền thưởng, phạt tàu cho nguyên đơn theo Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014 là vào ngày **31/12/2015**. Sau thời điểm ngày 31/12/2015, bị đơn không thanh toán bất kỳ khoản tiền thưởng, phạt tàu nào, cũng như không nhận được văn bản nhắc nợ hay xác nhận nợ nào khác.

Như vậy, Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT được ký kết ngày 02/01/2014, có hiệu lực từ ngày 02/01/2014 đến ngày 31/12/2014 và lần cuối cùng bị đơn thanh toán tiền thưởng, phạt tàu cho nguyên đơn là vào ngày 31/12/2015. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, đến ngày 11/10/2023, Công ty cổ phần C mới thực hiện việc khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần K thanh toán số tiền 347.656.124 đồng theo Hợp đồng thưởng, phạt giải phóng tàu số 02/HĐKT ngày 02/01/2014 là đã hết thời hiệu khởi kiện.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 60/2025/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp*”

đồng kinh tế”, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần C**

Địa chỉ: B N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường C, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc D – Chức vụ: Nhân viên pháp chế, Tổ trưởng Tổ Pháp chế - Kiểm soát nội bộ; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) (theo Giấy ủy quyền số 356/UQ-CCR ngày 26/6/2025).

Bị đơn: **Công ty cổ phần K**

Địa chỉ: B T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Việt H – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đại L – Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch dự án; địa chỉ: F T, phường N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền số 03/GUQ/2025/KSĐTKH ngày 23/7/2025).

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật.

- Hoàn lại cho Công ty cổ phần C 8.691.403 đồng (*Tám triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bốn trăm linh ba đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Công ty cổ phần C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003080 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh